

**CÔNG TY TNHH ETD VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ETD VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ETD VIET NAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: ETD VINA CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108390796

**3. Ngày thành lập:** 08/08/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 92, ngõ 69A Hoàng Văn Thái, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất kim loại màu và kim loại quý (Trừ vàng miếng và vàng nguyên liệu)                                                                                                                                      | 2420        |
| 2.  | Đúc sắt, thép                                                                                                                                                                                                   | 2431        |
| 3.  | Đúc kim loại màu                                                                                                                                                                                                | 2432        |
| 4.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                         | 3320        |
| 5.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                  | 4329        |
| 6.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                      | 3312        |
| 7.  | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                          | 3314        |
| 8.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ vàng miếng và vàng nguyên liệu)                                                                                                                                        | 4662        |
| 9.  | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                                                                                  | 1610        |
| 10. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                    | 2592        |
| 11. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                                                                  | 2511(Chính) |
| 12. | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại                                                                                                                                                      | 2512        |
| 13. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                                                                | 2591        |
| 14. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn; Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu | 2599        |
| 15. | Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển                                                                                                                                                  | 2651        |
| 16. | Sản xuất đồng hồ                                                                                                                                                                                                | 2652        |
| 17. | Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại                                                                                                                                                                   | 2822        |
| 18. | Sản xuất máy chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                   | 2829        |
| 19. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                   | 3100        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 20. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3290 |
| 21. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, công trình hạ tầng kỹ thuật<br>- Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4290 |
| 22. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4321 |
| 23. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4652 |
| 24. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng;<br>- Bán buôn các loại máy công cụ, dụng cụ cho mọi loại vật liệu<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác<br>- Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính<br>- Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường<br>- Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy | 4659 |
| 25. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4669 |
| 26. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4759 |
| 27. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4763 |
| 28. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình dựng<br>- Giám sát thi công xây dựng, kiểm định xây dựng<br>- Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng<br>- Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng<br>- Tư vấn đấu thầu<br>- Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7110 |
| 29. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>(Doanh nghiệp được kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và đảm bảo đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7490 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

## **7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | CAO THỊ THƯỜNG | Xóm 2, Xã Diễn Hạnh, Huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam                         | 1.020.000.000         | 51,000    | 187183166                                                                                                                                         |         |
| 2   | NINH THỊ NGÀN  | Thôn Ninh Xá, Xã Yên Ninh, Huyện ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam                      | 980.000.000           | 49,000    | 163275196                                                                                                                                         |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: CAO THỊ THƯỜNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 16/08/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 187183166

Ngày cấp: 02/10/2011

Nơi cấp: Công an tỉnh Nghệ An

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 2, Xã Diễn Hạnh, Huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 200 Quang Trung, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội